

PHỤ LỤC I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 677/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Đề xuất quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Văn bản giao lập BCDXCTĐT hoặc Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có)		Quyết định đầu tư (nếu có)		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung			Kết quả giải ngân đến 30/6/2026			
							Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung 2026	Nguồn Xó số kiến thiết tính bổ sung có mục tiêu	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung 2026	Nguồn Xó số kiến thiết tính bổ sung có mục tiêu	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung 2026	Nguồn Xó số kiến thiết tính bổ sung có mục tiêu	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG CỘNG									64.061	25.000	15.808	9.192	39.000	15.808	23.192	27.777	11.706	16.071	71,22
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG									55.692	17.292	9.100	8.192	31.683	9.491	22.192	22.292	7.221	15.071	70,36
1	Đầu tư nâng cấp hèm Phù Dư (đoạn từ kênh Rạch Rập đến giáp ranh khóm 4)		C	Khóm 2	Nâng cấp cao độ	2026	1550/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	670,124	1719/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	510,505	500	500		468	468		456	456		97,44
2	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng tuyến kênh Phước Thời, khóm 5, phường Lý Văn Lâm		C	Khóm 5	Nâng cấp, mở rộng lộ 3m	2026	1553/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	2.267,000	1720/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.262,499	1.600	600	1.000	2.086	1.086	1.000	2.051	1.051	1.000	98,32
3	Đầu tư xây dựng cầu Đường Lão, kênh Chín Viên		C	Khóm Thạnh Điền	Xây mới cầu rộng 4m	2026	1559/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	3.000,000	1721/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.351,828	2.100	1.100	1.000	2.248	1.248	1.000	1.418	678	740	63,08
4	Đầu tư xây dựng lộ giao thông tuyến Bảo Ráng, khóm Thạnh Điền, phường Lý Văn Lâm		C	Khóm Thạnh Điền	XD mới lộ 3,5m	2026	1555/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	3.063,881	1718/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	3.049,907	2.200	1.200	1.000	2.940	1.940	1.000	909	909		30,92
5	Đầu tư xây dựng mới lộ giao thông tuyến kênh Bà Thụ, phường Lý Văn Lâm		C	Khóm Xóm Lớn	XD mới lộ 3 m	2026	1554/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	2.262,000	1722/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.249,581	1.600	600	1.000	2.106	1.106	1.000	2.079	1.087	992	98,72
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến lộ khóm Ông Muôn (đoạn từ bến phà Ông Muôn đến cầu Bà Thụ), phường Lý Văn Lâm		C	Khóm Ông Muôn	Nâng cấp, mở rộng lộ 4m Dài 2,800m	2026-2027	1547/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	12.938,867	1727/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	10.596,458	6.192	3.000	3.192	4.494	1.302	3.192	3.603	700	2.903	80,17
7	Đầu tư xây dựng cầu Lung Dừa		C	Khóm Lung Dừa	Xây dựng mới cầu ngang 4m	2026	1558/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	2.325,275	1723/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.014,438	1.600	600	1.000	1.841	841	1.000	1.810	840	970	98,32
8	Đầu tư nâng cấp tuyến đường vào khu tập thể thủy sản		C	Khóm 8	Nâng cấp	2026	1549/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	3.511,671	1724/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.917,467	1.500	1.500		1.500	1.500		1.500	1.500		100,00
9	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Lễ Quyền, phường Lý Văn Lâm	8181493	C	Khóm Xóm Lớn	Nâng cấp, mở rộng	2026	711/QĐ-UBND ngày 09/3/2026; 791/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	15.983,000	961/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	14.249,000				7.000		7.000	3.932		3.932	56,17
10	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Bà Cai (từ cầu Kênh Láng đến giáp ranh khóm Giao Vàm)	8181489	C	Khóm 6	Nâng cấp, mở rộng	2026	713/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	16.566,704	962/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	15.490,086				7.000		7.000	4.534		4.534	64,77
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC									2.878,763	1.908	1.908		2.701	2.701		2.650	2.650		98,11
1	Trường Mầm Non Ban Mai									2.878,763	1.908	1.908		2.701	2.701		2.650	2.650		98,11
1.1	Đầu tư xây dựng mới hội trường Trường Mầm non Ban Mai		C	Phường LVL	Xây dựng mới	2026	1575/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	2.400,000	1741/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.389,281	1.500	1.500		2.253	2.253		2.222	2.222		98,62
2.2	Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa khối 5 phòng, khối 3 phòng Trường Mầm non Ban Mai		C	Phường LVL	Cải tạo, sửa chữa	2026	1577/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	507,000	1740/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	489,482	408	408		448	448		428	428		95,54

TT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Đề xuất quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Văn bản giao lập BCDXCTĐT hoặc Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có)		Quyết định đầu tư (nếu có)		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung			Kết quả giải ngân đến 30/6/2026			
							Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung 2026	Nguồn Xổ số kiến thiết tỉnh bổ sung có mục tiêu	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung 2026	Nguồn Xổ số kiến thiết tỉnh bổ sung có mục tiêu	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách tập trung 2026	Nguồn Xổ số kiến thiết tỉnh bổ sung có mục tiêu	Tỷ lệ
III	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH									2.666,362	1.800	800	1.000	2.116	1.116	1.000	1.965	965	1.000	92,86
1	Đầu tư xây dựng Trụ sở nhà văn hóa khóm 5, phường Lý Văn Lâm		C	Khóm 5	Xây dựng mới, mở rộng thêm	2026	1557/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	1.200,000	1727/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	1.167,816	800	800		1.068	1.068		924	924		86,52
2	Đầu tư xây dựng Trụ sở nhà văn hóa khóm Thạnh Điền, phường Lý Văn Lâm		C	Khóm Thạnh Điền	Xây dựng mới, mở rộng thêm	2026	1556/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	1.500,000	1726/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	1.498,546	1.000		1.000	1.048	48	1.000	1.041	41	1.000	99,33
IV	LĨNH VỰC QUY HOẠCH									5.923,000	1.000	1.000		-	-					
1	Lập quy hoạch chung phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau đến năm 2045					2026				5.923,000	1.000	1.000		-	-					
V	LĨNH VỰC ĐÔ THỊ ĐỘNG LỰC, VĂN HÓA									2.824,486	1.500	1.500		1.500	1.500		870	870		58,00
1	đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Nguyễn Mai (đoạn từ đường Lê Anh Xuân đến cuối tuyến)		C	Khóm 8		2026	1548/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	3.244,730	1725/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.824,486	1.500	1.500		1.500	1.500		870	870		58,00
IV	LĨNH VỰC KHÁC									0,000	1.500	1.500		1.000	1.000		-	-		0,00
1	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư					2026					1.500	1.500		1.000	1.000		-			0,00